

Số /KH-UBND

Hưng Yên, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Đề án "Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035" trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Thực hiện Quyết định số 826/QĐ-TTg ngày 11/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035; căn cứ yêu cầu thực tiễn phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh Hưng Yên trong giai đoạn mới, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tiếp tục triển khai đồng bộ, toàn diện, hiệu quả các nhiệm vụ của Đề án 06 theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công an và các bộ, ngành Trung ương; phát huy những kết quả đã đạt được trong giai đoạn 2022-2025; đồng thời khắc phục triệt để những tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai tại địa phương.

- Xác định dữ liệu dân cư, căn cước, định danh và xác thực điện tử làm nền tảng cốt lõi để thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong hoạt động quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công, phát triển kinh tế số, xã hội số và công dân số; phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính, bảo đảm an sinh xã hội và giữ gìn an ninh, trật tự.

- Đổi mới căn bản phương thức phục vụ người dân, doanh nghiệp theo hướng "không giấy tờ", "không tiếp xúc", "không phụ thuộc địa giới hành chính", "một lần khai báo, nhiều lần sử dụng"; bảo đảm mọi giao dịch giữa người dân với cơ quan nhà nước từng bước được thực hiện trên môi trường số.

- Xây dựng hệ sinh thái dữ liệu số thống nhất trên địa bàn tỉnh, kết nối đồng bộ với Trung tâm dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, phục vụ hiệu quả công tác quản trị xã hội, hoạch định chính sách, dự báo, phân tích và phát triển kinh tế - xã hội.

- Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổ chức thực hiện Đề án 06; xác định đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, xuyên suốt của cả hệ thống chính trị trong giai đoạn 2026-2035.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai Kế hoạch phải bám sát quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình Đề án 06 giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035 theo Quyết định số 826/QĐ-TTg; bảo đảm đồng bộ, liên thông, thống nhất từ cấp tỉnh đến cấp xã.

- Các nhiệm vụ phải được xác định rõ nội dung công việc, rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời gian thực hiện, sản phẩm đầu ra và trách nhiệm của từng đơn vị; gắn với cơ chế kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện định kỳ.

- Quá trình triển khai phải lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ; ưu tiên triển khai các nhiệm vụ có tác động trực tiếp đến đời sống dân sinh, cải cách thủ tục hành chính, phát triển kinh tế số, nâng cao chất lượng phục vụ của cơ quan nhà nước.

- Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong toàn bộ quá trình xây dựng, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu; mọi hoạt động khai thác dữ liệu phải đúng quy định pháp luật, đúng mục đích, đúng thẩm quyền.

- Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, đánh giá thực chất; lấy kết quả triển khai Đề án 06 là một trong những tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, thi đua, khen thưởng hằng năm đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Đến năm 2030, hoàn thiện nền tảng dữ liệu số dùng chung của tỉnh Hưng Yên; bảo đảm dữ liệu dân cư được kết nối, chia sẻ, khai thác hiệu quả trong toàn bộ hoạt động quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công; cơ bản hình thành chính quyền số hoạt động dựa trên dữ liệu thời gian thực; người dân và doanh nghiệp được thụ hưởng các dịch vụ số thuận tiện, nhanh chóng, an toàn, minh bạch.

- Đến năm 2035, xây dựng tỉnh Hưng Yên trở thành địa phương có nền quản trị số hiện đại, dữ liệu số được khai thác toàn diện phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; mọi giao dịch giữa người dân với cơ quan nhà nước được thực hiện chủ yếu trên môi trường số; dữ liệu trở thành nguồn tài nguyên phục vụ đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Giai đoạn 1: Tạo lập, chuẩn hóa và kết nối dữ liệu, bứt phá phát triển công dân số (năm 2026).

Trong năm 2026, xác định việc tạo lập, chuẩn hóa và kết nối các cơ sở dữ liệu chuyên ngành với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là nhiệm vụ trọng tâm, then chốt,

tạo nền tảng vững chắc cho việc khai thác dữ liệu phục vụ cải cách thủ tục hành chính và phát triển chính quyền số trong các giai đoạn tiếp theo. Đồng thời, tập trung bứt phá các chỉ tiêu về phát triển công dân số, hoàn thành cơ bản việc cấp căn cước và tài khoản định danh điện tử cho các nhóm đối tượng, đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt trong chi trả an sinh xã hội và các dịch vụ công thiết yếu, mục tiêu cụ thể của giai đoạn này:

- Hoàn thiện thể chế, quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo hướng điện tử hóa, phi địa giới, bảo đảm đa số thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt từ 95% trở lên, nhiều thủ tục đạt 100%, tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100% và tỷ lệ thanh toán điện tử đạt từ 95% trở lên.

- Hoàn thành việc cấp căn cước tài khoản định danh điện tử mức độ 2 cho 100% công dân từ 6 tuổi trở lên; 100% cơ quan, tổ chức được cấp tài khoản định danh điện tử; phần đầu 80% công dân có tài khoản định danh mức 2 tích hợp các tiện ích, giấy tờ của cá nhân lên VNeID.

- Hoàn thành xác thực, đồng bộ dữ liệu tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; làm sạch và kết nối dữ liệu đất đai, dữ liệu hộ tịch, dữ liệu tình trạng hôn nhân với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; hoàn thành khung kiến trúc dữ liệu tỉnh và danh mục dữ liệu dùng chung.

- Phần đầu, duy trì tỷ lệ chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt từ 95-98%; 100% các cơ sở giáo dục triển khai thu học phí và các khoản thu khác bằng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.

- Hoàn thành triển khai học bạ số cấp tiểu học; thí điểm thành công học bạ số cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông; đẩy mạnh phong trào học tập trên nền tảng "Bình dân học vụ số".

2. 2. Giai đoạn 2: Khai thác dữ liệu, tự động hóa và phát triển chính quyền số (từ năm 2027 đến năm 2030)

Xác định việc chuyển từ "số hóa dữ liệu" sang "khai thác dữ liệu" là nhiệm vụ chiến lược, lấy dữ liệu dân cư làm hạ tầng quản trị số, thúc đẩy cải cách hành chính thực chất, tự động hóa quy trình giải quyết, phát triển chính quyền số hoạt động dựa trên dữ liệu thời gian thực, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp. Mục tiêu cụ thể của giai đoạn này:

- Hoàn thành xây dựng kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, kết nối đồng bộ với Trung tâm dữ liệu quốc gia; chuẩn hóa và kết nối 100% cơ sở dữ liệu chuyên ngành trọng điểm với kho dữ liệu dùng chung và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- 100% công dân có tài khoản định danh điện tử mức 2 được tích hợp các giấy tờ, tiện ích trên VNeID.

- 100% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến toàn trình; 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực được số hóa và tái sử dụng; hoàn thành mô hình giải quyết thủ tục hành chính phi địa giới trên phạm vi toàn tỉnh.

- Hoàn thiện hồ sơ sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử, học bạ số, văn bằng số trên toàn tỉnh; duy trì tỷ lệ chi trả an sinh, tỷ lệ dịch vụ công, số hoá hồ sơ giải quyết TTHC đã triển khai ở năm 2026.

- Hoàn thành triển khai Trung tâm điều hành thông minh cấp tỉnh kết nối dữ liệu dân cư và dữ liệu chuyên ngành; phần lớn hoạt động chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh được hỗ trợ bởi dữ liệu thời gian thực và các công cụ phân tích dữ liệu.

2.3. Giai đoạn 3: Triển khai chính quyền số thông minh, quản trị dựa trên dữ liệu (từ năm 2030 đến năm 2035)

Xác định mục tiêu chiến lược là xây dựng tỉnh Hưng Yên trở thành địa phương có nền quản trị số hiện đại, dữ liệu số được khai thác toàn diện phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; chuyển đổi toàn diện sang mô hình chính quyền số thông minh, trong đó cơ bản các giao dịch giữa người dân với cơ quan nhà nước được thực hiện trên môi trường số, dịch vụ công được cung cấp theo hướng chủ động, cá nhân hóa dựa trên dữ liệu số của công dân; hình thành hệ sinh thái dữ liệu mở phục vụ doanh nghiệp và đổi mới sáng tạo; đạt tỷ lệ hài lòng rất cao của người dân đối với dịch vụ công trên môi trường số; phấn đấu đưa Hưng Yên thuộc nhóm địa phương dẫn đầu cả nước về khai thác dữ liệu dân cư phục vụ chuyển đổi số và cải cách hành chính. Mục tiêu của giai đoạn này:

- 100% giao dịch giữa người dân với cơ quan nhà nước được thực hiện chủ yếu trên môi trường số; 100% dịch vụ công đủ điều kiện được cung cấp theo hướng chủ động, cá nhân hóa dựa trên dữ liệu số của công dân; 100% dữ liệu quản lý nhà nước trọng điểm được cập nhật, chia sẻ theo thời gian thực;

+ Hình thành hệ sinh thái dữ liệu mở phục vụ doanh nghiệp, đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế số, Hoàn thiện mô hình bản đồ số dân cư, địa điểm số và bản sao số phục vụ quy hoạch, quản trị đô thị, an sinh xã hội và phòng chống tội phạm.

+ 100% người dân hài lòng đối với việc giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trên môi trường số.

III. NHIỆM VỤ CHUNG

1. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về phát triển, cung cấp ứng dụng, dịch vụ số liên quan đến thông tin dân cư

- Tham mưu sửa đổi, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn triển khai để tháo gỡ điểm nghẽn, tạo hành lang pháp lý trong khai thác, sử dụng dữ liệu; ứng dụng dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến và phát triển kinh tế - xã hội; phòng ngừa, xử phạt vi phạm trong lĩnh vực dữ liệu; hướng dẫn bảo vệ an ninh dữ liệu bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Ban hành hướng dẫn kỹ thuật, kiến trúc thống nhất về Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, trong đó tích hợp, sử dụng một tài khoản duy nhất, đăng nhập một lần, truy cập xuyên suốt các phần mềm, hệ thống.

2. Phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp DVC trực tuyến

- Tập trung tái cấu trúc, cắt giảm thành phần hồ sơ, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; công bố thông tin có trong các cơ sở dữ liệu; xây dựng từ điển dữ liệu dùng chung, Cổng dịch vụ công quốc gia theo mô hình giải quyết thủ tục hành chính tập trung, thống nhất.

- Triển khai các sáng kiến, mở rộng hình thức tiếp cận và sử dụng dịch vụ công, thủ tục hành chính tạo thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, cung cấp số liệu về kết quả cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính cho các cơ quan truyền thông để công bố, công khai.

3. Phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

- Tập trung xây dựng các không gian thử nghiệm thực tế (sandbox) để cung cấp môi trường thử nghiệm, nghiên cứu, đánh giá sản phẩm, giải pháp mới, giao diện lập trình ứng dụng (API) và bộ dữ liệu mở, ấn danh về dân cư, căn cước, định danh.

- Triển khai thúc đẩy sử dụng tài khoản định danh điện tử trong các giao dịch ban hành danh mục sản phẩm dịch vụ, mô hình ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước, định danh điện tử, đặc biệt trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, nông nghiệp và môi trường, y tế, giáo dục, du lịch, logistics, thương mại điện tử.

- Nghiên cứu triển khai giải pháp phục vụ xây dựng thành phố thông minh như "Bản sao số", "Mô hình địa điểm số" kết nối, ứng dụng Cơ sở dữ liệu địa điểm, dữ liệu dân cư và danh tính điện tử.

4. Phục vụ phát triển công dân số

- Triển khai giải pháp để công dân thực hiện quyền và nghĩa vụ trên môi trường số: lấy ý kiến nhân dân về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; quản lý khai thác, chia sẻ, giám sát việc khai thác, sử dụng dữ liệu công dân; xây dựng VNeID thành nền tảng số quốc gia đa tiện ích phục vụ chuyển đổi số, phát triển công dân số.

- Hoàn thiện tạo lập ví giấy tờ của công dân, tổ chức trên VNeID, tạo lập kho dữ liệu của công dân, tổ chức trên môi trường số.

- Xây dựng nền tảng số, cung cấp tiện ích thúc đẩy công dân thực hiện trên môi trường số; hoàn thiện công cụ số cho công dân: tài khoản định danh điện tử, căn cước, chữ ký số, tài khoản thanh toán.

- Triển khai cơ chế khuyến khích công dân khi thực hiện dịch vụ số, thủ tục hành chính trực tuyến.

- Đẩy mạnh tuyên truyền kỹ năng số; xây dựng chương trình đào tạo năng lực số phù hợp từng nhóm đối tượng; tích hợp giáo dục công dân số vào chương trình

giáo dục chính quy và giáo dục chính trị, tư tưởng; triển khai đào tạo trên nền tảng "Bình dân học vụ số"; triển khai tổ công nghệ số cộng đồng, mạng lưới đại sứ số, mô hình chợ số - nông thôn số.

5. Mở rộng hạ tầng, hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ tạo lập, kết nối, khai thác, bổ sung, làm giàu dữ liệu

- Triển khai xây dựng, đưa vào sử dụng các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành; đồng bộ về Trung tâm dữ liệu quốc gia để xây dựng Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; hoàn thiện hạ tầng tập trung tại Trung tâm dữ liệu quốc gia, di chuyển cơ sở dữ liệu lên hạ tầng Trung tâm dữ liệu quốc gia; triển khai kiến trúc dữ liệu bám sát Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia.

- Nghiên cứu đề xuất nâng cấp Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đáp ứng yêu cầu quản lý trong tình hình mới; hoàn thiện kết nối, đồng bộ dữ liệu phục vụ phân tích, chỉ đạo điều hành và tích hợp trên VNeID.

- Nghiên cứu triển khai nền tảng chuỗi khối quốc gia, định danh phi tập trung quốc gia, định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; hệ thống lưu trữ, giao kết, xác nhận giao dịch điện tử qua VNeID, nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ.

- Kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị thống nhất qua nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu (NDOP).

6. Phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành

- Rà soát mô hình quản trị thông minh, xây dựng, hoàn thiện Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Xây dựng hệ thống giám sát dịch vụ công, cắt giảm thủ tục hành chính; chỉ số điều hành, phân tích, đo lường hiệu quả kinh tế số, sức khỏe doanh nghiệp gắn với Đề án 06; đo lường mức độ phát triển công dân số; mô hình dự báo biến động dân số, di cư, nhu cầu dịch vụ công dựa trên dữ liệu thực tế.

- Triển khai nâng cấp Bản đồ số dân cư, xây dựng trợ lý ảo, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn phục vụ chỉ đạo, điều hành.

7. An sinh xã hội và phục vụ phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội

- Đẩy mạnh tích hợp, sử dụng tài khoản an sinh xã hội; triển khai hệ thống chi trả an sinh xã hội, nền tảng thiện nguyện và các hệ thống, nền tảng an sinh khác dựa trên dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử.

- Triển khai giải pháp xác thực thông tin thuê bao di động với dữ liệu dân cư, căn cước, tài khoản định danh điện tử phục vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm.

- Triển khai công cụ phân tích mối quan hệ gia đình, xã hội trong dữ liệu dân cư phục vụ điều tra, phòng ngừa tội phạm; tích hợp dữ liệu dân cư với cơ sở dữ liệu

ADN, căn cước, hồ sơ vụ án; triển khai giải pháp cảnh báo sớm, thông tin tài khoản phạm tội, phòng, chống lừa đảo, rò rỉ dữ liệu.

8. Bảo đảm an ninh mạng

- Hoàn thiện hệ thống an ninh mạng, bảo đảm an toàn thông tin cho các cơ sở dữ liệu trọng yếu của địa phương.

- Xây dựng quy trình giám sát, phát hiện và xử lý các sự cố an toàn thông tin, bảo vệ quyền lợi của người dân và doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra, đánh giá công tác bảo đảm an ninh mạng của cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức chủ quản hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có kết nối, khai thác dịch vụ dữ liệu dân cư và định danh - xác thực điện tử.

9. Thanh tra, kiểm tra, giám sát, đo lường và đánh giá triển khai

- Thanh tra, kiểm tra việc kết nối, chia sẻ, sử dụng dữ liệu dân cư của các sở, ngành, UBND cấp xã bảo đảm đúng mục đích, đúng quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước.

- Thanh tra công vụ, kiểm tra cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công.

- Đánh giá mức độ hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính, kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp trên VNeID; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ dựa trên kết quả chấm điểm phần mềm theo dõi, giám sát Đề án 06 (dean06.vn) để đánh giá tại Phiên họp Thường kỳ UBND tỉnh hàng tháng.

IV. NHIỆM VỤ CỤ THỂ VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

1. Công an tỉnh

- Là cơ quan thường trực, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các sở, ngành, địa phương triển khai Kế hoạch; theo dõi, kiểm tra, tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện Đề án 06; quản lý, vận hành hệ thống giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Đề án 06; định kỳ tham mưu UBND tỉnh báo cáo Chính phủ, Bộ Công an.

+ Đơn vị phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ngành, UBND cấp xã.

+ Sản phẩm: Báo cáo định kỳ và đột xuất; báo cáo trên hệ thống theo dõi, giám sát Đề án 06.

+ Tiến độ: Thực hiện thường xuyên; báo cáo UBND tỉnh trước ngày 10 hàng tháng.

- Chủ trì rà soát, tham mưu hoàn thiện cơ chế, chính sách liên quan đến dữ liệu số, giấy tờ điện tử và cắt giảm thủ tục hành chính; phối hợp các sở, ngành trong việc tham gia góp ý sửa đổi, bổ sung văn bản theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

+ Đơn vị phối hợp: Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ngành, UBND cấp xã.

+ *Sản phẩm: Văn bản hoàn thiện cơ chế, chính sách; phương án cắt giảm thủ tục hành chính.*

+ *Tiến độ: Hoàn thành rà soát trong năm 2026; triển khai sửa đổi, bổ sung theo tiến độ chung.*

- Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến dữ liệu dân cư, căn cước, định danh và xác thực điện tử; duy trì bảo đảm dữ liệu dân cư "đúng, đủ, sạch, sống"; tổ chức đối chiếu, đồng bộ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với dữ liệu hộ tịch, bảo hiểm, y tế, giáo dục, đất đai, lao động, thuế và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác.

+ *Đơn vị phối hợp: Sở Tư pháp, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nội vụ, Bảo hiểm xã hội, Thuế tỉnh, các Sở, ngành có liên quan và UBND cấp xã.*

+ *Sản phẩm: Dữ liệu dân cư và dữ liệu chuyên ngành được chuẩn hóa, đồng bộ, cập nhật thường xuyên đảm bảo phát huy hết giá trị.*

+ *Tiến độ: Hoàn thành đối chiếu, làm sạch tối thiểu 100% dữ liệu chuyên ngành trọng điểm trong năm 2026; hoàn thành đồng bộ với dữ liệu hộ tịch, bảo hiểm, y tế, giáo dục trong năm 2027; duy trì đến năm 2035.*

- Tổ chức thu nhận hồ sơ cấp căn cước, cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 2 cho công dân (đặc biệt là công dân từ 6 đến dưới 14 tuổi) và cấp định danh điện tử cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; đẩy mạnh hướng dẫn người dân tích hợp giấy tờ điện tử lên VNeID.

+ *Đơn vị phối hợp: Các Sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND cấp xã.*

+ *Sản phẩm: 100% công dân đủ điều kiện có tài khoản VNeID mức độ 2; 100% cơ quan, tổ chức có tài khoản định danh.*

+ *Tiến độ: Hoàn thành trong năm 2026; đến hết năm 2027, 100% công dân có tài khoản được tích hợp giấy tờ lên VNeID.*

- Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng đối với toàn bộ hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu kết nối, khai thác dữ liệu dân cư; tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ; quản lý phân quyền khai thác dữ liệu; tổ chức tập huấn nâng cao năng lực bảo vệ dữ liệu cá nhân.

+ *Đơn vị phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ngành, UBND cấp xã.*

+ *Sản phẩm: Hệ thống giám sát an toàn thông tin; kế hoạch ứng cứu sự cố; quy chế bảo vệ dữ liệu cá nhân.*

+ *Tiến độ: 100% hệ thống trọng yếu được rà soát, đánh giá trong năm 2026; hoàn thành giám sát các hệ thống trọng điểm trong năm 2027; duy trì kiểm tra định kỳ hằng năm.*

2. Văn phòng UBND tỉnh

- Tổng hợp, theo dõi, phối hợp đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến; phối hợp tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh, Tổ công tác Đề án 06 tỉnh chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

+ Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh, các sở, ngành, UBND cấp xã.

+ Sản phẩm: Thủ tục hành chính được theo dõi, đánh giá chất lượng. Văn bản tham mưu UBND tỉnh, Tổ công tác Đề án 06 tỉnh tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

+ Tiến độ: Thực hiện thường xuyên.

- Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc kết quả tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính của các sở, ngành theo hướng điện tử hóa, tự động hóa và phi địa giới hành chính; bảo đảm người dân có thể thực hiện thủ tục hành chính tại bất kỳ Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nào trên địa bàn tỉnh.

+ Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã.

+ Sản phẩm: Quy trình giải quyết thủ tục hành chính phi địa giới; hệ thống theo dõi trạng thái hồ sơ thời gian thực.

+ Tiến độ: Hoàn thành triển khai mô hình phi địa giới trong giai đoạn 2026-2030; đến năm 2035, 100% dịch vụ công đủ điều kiện được cung cấp theo hướng chủ động, cá nhân hóa.

- Tham mưu rà soát, nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh bảo đảm đồng bộ, liên thông với Cổng Dịch vụ công quốc gia, CSDL quốc gia về dân cư và các CSDL chuyên ngành; thúc đẩy cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, thanh toán trực tuyến và sử dụng tài khoản định danh điện tử VNeID trong thực hiện thủ tục hành chính.

+ Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tư pháp, các sở, ngành, UBND cấp xã.

+ Sản phẩm: Báo cáo đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính; hệ thống giám sát, đánh giá kết quả.

+ Tiến độ: Thực hiện thường xuyên; báo cáo định kỳ hàng tháng.

- Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các sở, ngành, UBND cấp xã đồng bộ trạng thái xử lý hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính lên VNeID; triển khai tái sử dụng dữ liệu số hóa trong toàn bộ quá trình giải quyết thủ tục hành chính.

+ Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ngành, UBND cấp xã.

+ Sản phẩm: Dữ liệu trạng thái hồ sơ, kết quả giải quyết được đồng bộ lên VNeID; kho dữ liệu số hóa.

+ Tiến độ: Hoàn thành trong năm 2026; duy trì thường xuyên.

- Tiếp tục tham mưu xây dựng, vận hành Trung tâm điều hành thông minh (IOC) cấp tỉnh kết nối dữ liệu dân cư và dữ liệu chuyên ngành; phối hợp triển khai hệ thống dashboard theo dõi Đề án 06 thời gian thực; ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn trong phân tích, dự báo và quản trị xã hội.

+ Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ngành.

+ Sản phẩm: Trung tâm điều hành thông minh (IOC); hệ thống dashboard; công cụ phân tích, dự báo.

+ Tiến độ: Hoàn thành bộ chỉ số giám sát trong năm 2026; hoàn thành dashboard trong năm 2027; hoàn thành IOC trong giai đoạn 2026-2030; đến năm 2035, 70% hoạt động chỉ đạo, điều hành được hỗ trợ bởi AI và dữ liệu thời gian thực.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì xây dựng kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, kết nối với Trung tâm dữ liệu quốc gia; triển khai nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

+ Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ngành, UBND cấp xã.

+ Sản phẩm: Kho dữ liệu dùng chung; nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; kiến trúc dữ liệu tỉnh.

+ Tiến độ: Hoàn thành khung kiến trúc và danh mục dữ liệu dùng chung trong năm 2026; hoàn thành kho dữ liệu dùng chung trong năm 2027; 100% cơ sở dữ liệu chuyên ngành trọng điểm được kết nối trong giai đoạn 2026-2030.

- Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số liên quan đến dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, cải cách hành chính và xây dựng chính quyền số.

+ Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh, các sở, ngành, UBND cấp xã.

+ Sản phẩm: Các ứng dụng, giải pháp công nghệ có khai thác dữ liệu dân cư được áp dụng hiệu quả trong thực tiễn.

+ Tiến độ: Nghiên cứu, xác định ý tưởng, giải pháp trong năm 2026. Triển khai thực tế trong giai đoạn 2027 - 2030.

4. Sở Tư pháp

- Chủ trì rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của HĐND, UBND tỉnh; trên cơ sở đó tham mưu sửa đổi, bổ sung các quy định để hoàn thiện cơ chế, chính sách liên quan đến dữ liệu số, giấy tờ điện tử và cắt giảm thủ tục hành chính.

+ Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ngành, UBND cấp xã.

+ *Sản phẩm: Văn bản hoàn thiện cơ chế, chính sách; phương án cắt giảm thủ tục hành chính.*

+ *Tiến độ: Hoàn thành rà soát trong năm 2026; triển khai sửa đổi, bổ sung theo tiến độ chung.*

- Tiếp tục triển khai số hóa dữ liệu hộ tịch; kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

+ *Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh, UBND cấp xã.*

+ *Sản phẩm: Dữ liệu hộ tịch được số hóa, kết nối, đồng bộ.*

+ *Tiến độ: Hoàn thành trong năm 2026.*

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai; bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

+ *Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, UBND cấp xã.*

+ *Sản phẩm: Cơ sở dữ liệu đất đai được chuẩn hóa, kết nối.*

+ *Tiến độ: Hoàn thành làm sạch, kết nối tối thiểu 50% số thửa đất trong năm 2026; hoàn thành 100% trong giai đoạn 2026-2030.*

- Triển khai tái sử dụng dữ liệu đất đai phục vụ cắt giảm thủ tục hành chính, giảm giấy tờ cho người dân khi thực hiện các thủ tục liên quan đến đất đai.

+ *Đơn vị phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh, UBND cấp xã.*

+ *Sản phẩm: Quy trình khai thác, tái sử dụng dữ liệu đất đai; tỷ lệ cắt giảm giấy tờ trong các thủ tục đất đai.*

+ *Tiến độ: Triển khai từ năm 2026 và duy trì.*

6. Sở Xây dựng

- Chủ trì, hướng dẫn UBND cấp xã rà soát, chuẩn hóa và triển khai việc gắn biển số nhà trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Thông tư 08/2024/TT-BXD và các văn bản hướng dẫn liên quan; phối hợp với Công an tỉnh bảo đảm địa chỉ số nhà được cập nhật, đồng bộ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ công tác quản lý cư trú và giải quyết thủ tục hành chính.

+ *Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh, Sở Văn hoá, thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp xã.*

+ *Sản phẩm: Danh mục, bản đồ số nhà được chuẩn hóa; dữ liệu số nhà được cập nhật, đồng bộ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.*

+ *Tiến độ: Hoàn thành rà soát, chuẩn hóa trong năm 2026; hoàn thành cập nhật, đồng bộ trong năm 2027.*

- Chủ trì, hướng dẫn các sở, ngành liên quan và UBND cấp xã trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền triển khai định danh địa điểm (công trình công

công, trụ sở cơ quan, cơ sở kinh doanh, điểm du lịch, bến xe, bãi đỗ xe, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, điểm sinh hoạt cộng đồng...) trên địa bàn tỉnh; xây dựng và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu địa điểm số, bảo đảm kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các hệ thống thông tin chuyên ngành khác.

+ *Đơn vị phối hợp:* Các Sở, ngành có liên quan và UBND cấp xã.

+ *Sản phẩm:* Hệ thống cơ sở dữ liệu địa điểm số của tỉnh; danh mục địa điểm được định danh, mã hóa; kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

+ *Tiến độ:* Hoàn thành xây dựng khung định danh địa điểm trong năm 2026; hoàn thành cơ bản việc định danh các địa điểm trọng yếu trong năm 2027; hoàn thiện toàn bộ trong giai đoạn 2026-2030.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn UBND cấp xã triển khai ứng dụng giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt tại các bãi đỗ xe, điểm trông giữ phương tiện trên địa bàn tỉnh; kết nối dữ liệu định danh địa điểm với các nền tảng thanh toán số, bảo đảm tiện lợi, minh bạch, an toàn.

+ *Đơn vị phối hợp:* Công an tỉnh, Sở Tài chính, Ngân hàng Nhà nước khu vực VI, UBND cấp xã.

+ *Sản phẩm:* Hệ thống thanh toán không dùng tiền mặt tại các bãi đỗ xe, điểm trông giữ phương tiện; dữ liệu giao dịch được kết nối, đồng bộ.

+ *Tiến độ:* Triển khai thí điểm tại một số địa điểm trong Quý III/2026, hoàn thành nhân rộng trong Quý IV.

- Tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực xây dựng, nhà ở, cấp phép xây dựng theo hướng điện tử hóa, khai thác dữ liệu số từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu đất đai, địa điểm, số nhà; cắt giảm thành phần hồ sơ giấy tờ, rút ngắn thời gian xử lý.

+ *Đơn vị phối hợp:* Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Công an tỉnh, UBND cấp xã.

+ *Sản phẩm:* Quy trình giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực xây dựng được tái cấu trúc; tỷ lệ cắt giảm giấy tờ, thời gian xử lý.

+ *Tiến độ:* Hoàn thành rà soát, đề xuất cải cách trong năm 2026; triển khai thực hiện từ năm 2027.

6. Sở Y tế

- Chủ trì triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử; kết nối dữ liệu khám chữa bệnh với VNeID.

+ *Đơn vị phối hợp:* Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, Bảo hiểm xã hội tỉnh, khu vực, các cơ sở khám chữa bệnh.

+ *Sản phẩm:* Hồ sơ sức khỏe điện tử của người dân; bệnh án điện tử tại các cơ sở y tế công lập.

+ *Tiến độ: Hoàn thiện trong giai đoạn 2026-2030.*

- Tiếp tục duy trì và mở rộng việc sử dụng căn cước, VNeID thay thế thẻ bảo hiểm y tế trong khám chữa bệnh tại 100% cơ sở y tế công lập.

+ *Đơn vị phối hợp: Bảo hiểm xã hội khu vực, Công an tỉnh, các cơ sở khám chữa bệnh.*

+ *Sản phẩm: 100% cơ sở khám chữa bệnh sử dụng căn cước, VNeID thay thế bảo hiểm y tế.*

+ *Tiến độ: Duy trì thường xuyên.*

7. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Triển khai học bạ số, văn bằng chứng chỉ số; kết nối dữ liệu giáo dục với hệ thống định danh điện tử.

+ *Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ sở giáo dục.*

+ *Sản phẩm: Học bạ số các cấp; văn bằng chứng chỉ số; dữ liệu giáo dục.*

+ *Tiến độ: Hoàn thành học bạ số cấp tiểu học (đã hoàn thành); thí điểm cấp trung học trong năm 2026; hoàn thành kết nối dữ liệu trong năm 2027.*

- Tích hợp nội dung giáo dục công dân số, kỹ năng số, an toàn thông tin vào chương trình giáo dục phù hợp với từng cấp học.

+ *Đơn vị phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ, các cơ sở giáo dục.*

+ *Sản phẩm: Chương trình giáo dục công dân số được tích hợp.*

+ *Tiến độ: Hoàn thành trong năm 2026.*

8. Sở Nội vụ

- Chủ trì đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng chương trình đào tạo phù hợp với từng nhóm đối tượng.

+ *Đơn vị phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ngành, UBND cấp xã.*

+ *Sản phẩm: Kế hoạch đào tạo; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo.*

+ *Tiến độ: Xây dựng kế hoạch trong năm 2026; tổ chức đào tạo thường xuyên.*

- Tham mưu đưa kết quả triển khai Đề án 06 vào tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương, đề xuất khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong tham mưu, triển khai Đề án 06 tại địa phương.

+ *Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh.*

+ *Sản phẩm: Quy chế đánh giá, tiêu chí thi đua, khen thưởng.*

+ *Tiến độ: Duy trì thường xuyên.*

9. Sở Tài chính

- Tham mưu bố trí kinh phí triển khai các nhiệm vụ của Đề án 06 theo quy định; ưu tiên bố trí cho các nhiệm vụ trọng điểm như kho dữ liệu dùng chung, hạ tầng công nghệ thông tin cấp xã, IOC, số hóa dữ liệu và bảo đảm an toàn thông tin.

+ *Đơn vị phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh, các sở, ngành, UBND cấp xã.*

+ *Sản phẩm: Kinh phí được bố trí đầy đủ, kịp thời.*

+ *Tiến độ: Hàng năm.*

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các sở, ngành, đơn vị có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền tiếp tục thực hiện mức thu 0 đồng đối với một số loại phí, lệ phí khi thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và các cơ chế ưu đãi về phí, lệ phí khác để khuyến khích cá nhân, tổ chức sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

+ *Đơn vị phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh.*

+ *Sản phẩm: Cơ chế miễn, giảm phí, lệ phí.*

+ *Tiến độ: Hoàn thành trong năm 2026.*

10. Ngân hàng Nhà nước khu vực 12

- Phối hợp mở rộng thanh toán không dùng tiền mặt trong giải quyết thủ tục hành chính, y tế, giáo dục, chi trả an sinh xã hội.

+ *Đơn vị phối hợp: Sở Tài chính, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ, Bảo hiểm xã hội khu vực, các ngân hàng thương mại.*

+ *Sản phẩm: Tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt được nâng cao.*

+ *Tiến độ: Triển khai thường xuyên.*

- Thúc đẩy ứng dụng định danh điện tử trong hoạt động ngân hàng; phối hợp xác thực thông tin tài khoản ngân hàng với dữ liệu dân cư.

+ *Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh, các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng.*

+ *Sản phẩm: Các ngân hàng, tổ chức tín dụng ứng dụng định danh điện tử.*

+ *Tiến độ: Triển khai thường xuyên.*

11. Báo và Phát thanh truyền hình Hưng Yên

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng và triển khai kế hoạch tuyên truyền toàn diện, liên tục về Đề án 06 trên tất cả các nền tảng báo chí (báo in, báo điện tử), phát thanh, truyền hình và các trang mạng xã hội của đơn vị. Tập trung tuyên truyền về lợi ích của chuyển đổi số, tiện ích của tài khoản định danh điện tử VNeID, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán điện tử, bảo vệ dữ liệu cá nhân; biểu dương các mô hình hay, cách làm sáng tạo, điển hình tiên tiến; sản xuất các chương trình tọa đàm, video hướng dẫn người dân sử dụng VNeID và dịch vụ công trực

tuyển một cách trực quan, dễ hiểu, phù hợp với mọi lứa tuổi; kịp thời phản ánh khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp.

+ *Đơn vị phối hợp: Các sở, ngành, UBND cấp xã, các tổ chức chính trị - xã hội.*

+ *Sản phẩm: Chuyên trang, chuyên mục thường xuyên; phóng sự, tin bài, chương trình phát thanh, truyền hình; video hướng dẫn; báo cáo tổng kết công tác tuyên truyền định kỳ.*

+ *Tiến độ: Thực hiện thường xuyên và đột xuất trong các đợt cao điểm theo đề nghị của đơn vị chủ trì.*

11. Các sở, ban, ngành của tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và lĩnh vực quản lý nhà nước của đơn vị mình, các sở, ban, ngành chủ động quán triệt triển khai Đề án 06 trong lĩnh vực của đơn vị mình, bảo đảm các nội dung sau:

- Rà soát, tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền theo hướng điện tử hóa, khai thác dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cắt giảm thành phần hồ sơ giấy tờ, nâng cao tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cập nhật, làm sạch dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý; kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và kho dữ liệu dùng chung của tỉnh.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp, đối tượng quản lý sử dụng các tiện ích của VNeID, dịch vụ công trực tuyến và thanh toán điện tử trong lĩnh vực của đơn vị.

- Phối hợp với Công an tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh trong công tác bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng đối với các hệ thống thông tin của đơn vị có kết nối, khai thác dữ liệu dân cư.

- Tham gia các lớp đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số, kỹ năng số và Đề án 06 do tỉnh tổ chức; bố trí kinh phí, nhân lực phục vụ triển khai các nhiệm vụ được giao.

- **Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh:** Phối hợp với các tổ chức thành viên đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân về lợi ích của chuyển đổi số, tiện ích của tài khoản định danh điện tử VNeID và các dịch vụ công trực tuyến; hướng dẫn người dân tích hợp giấy tờ, tài khoản an sinh xã hội lên VNeID. Đồng thời, chủ động rà soát, cập nhật, làm sạch dữ liệu hội viên, người dân trên địa bàn, bảo đảm kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật liên quan đến chuyển đổi số và cung cấp dịch vụ công tại địa phương.

- **Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh:** Tổ chức tuyên truyền, tập huấn kỹ năng số cho thanh, thiếu niên và người dân, đặc biệt là các tiện ích của VNeID, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán điện tử và bảo đảm an toàn thông tin cá nhân. Thành lập và duy trì hoạt động của các đội hình thanh niên tình nguyện hỗ trợ

người dân tại cơ sở (cài đặt, kích hoạt VNeID, sử dụng dịch vụ công trực tuyến). Chủ động rà soát, cập nhật, làm sạch dữ liệu đoàn viên, thanh niên phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- **Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh:** Tuyên truyền, vận động hội viên, phụ nữ và người dân về lợi ích của chuyển đổi số, tiện ích của VNeID, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán điện tử; tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn kỹ năng số cho hội viên, đặc biệt là kỹ năng sử dụng VNeID, tích hợp giấy tờ, tài khoản an sinh xã hội lên VNeID. Chủ động rà soát, cập nhật, làm sạch dữ liệu hội viên, phụ nữ; phối hợp kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; giám sát việc thực hiện chính sách về bình đẳng giới trong chuyển đổi số.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Các sở, ngành, địa phương căn cứ nhiệm vụ được giao chủ động xây dựng dự toán kinh phí hằng năm gửi cơ quan có thẩm quyền thẩm định, bố trí theo quy định.

3. Ưu tiên bố trí kinh phí đối với các nhiệm vụ trọng điểm như xây dựng kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, hạ tầng công nghệ thông tin cấp xã, hệ thống IOC, số hóa dữ liệu và bảo đảm an toàn thông tin.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 chỉ đạo, điều hành toàn diện hoạt động của Kế hoạch Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 trên địa bàn tỉnh; Các đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo giúp UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp được quy định tại Kế hoạch này.

2. Tổ công tác triển khai Đề án 06; cải cách TTHC, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 tỉnh. Trực tiếp làm việc với các sở, ngành, địa phương để đôn đốc, hướng dẫn, tổ chức triển khai các nhiệm vụ tại Kế hoạch. Định kỳ hàng tháng, đột xuất tham mưu báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Tổ công tác triển khai Đề án 06; cải cách TTHC, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 Trung ương tình hình, kết quả thực hiện tại địa phương, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

3. Các sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND cấp xã căn cứ nội dung Kế hoạch này và chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình; hoàn thành và gửi về UBND tỉnh (*qua Công an tỉnh*) **trước ngày 15/6/2026** để theo dõi, tổng hợp và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao.

4. Chế độ thông tin báo cáo

- Định kỳ trước ngày 10 hằng tháng, các cơ quan, đơn vị báo cáo tình hình, kết quả thực hiện về Công an tỉnh để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Chính phủ, Bộ Công an theo quy định.

- Định kỳ hằng năm tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Đề án 06; biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc; đồng thời kiểm điểm trách nhiệm đối với các đơn vị chậm tiến độ, không hoàn thành nhiệm vụ.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo UBND tỉnh (*qua Công an tỉnh*) để xem xét, chỉ đạo giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Công an (qua V01, C06);
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Thành viên Tổ CT Đề án 06 tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND xã, phường;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, CVNC^{Hào}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Nghiêm